

CHƯƠNG BỐN

Tị Nạn

*Dù phải vượt qua trùng dương đầy bão tố,
ngươi sẽ không bị nhận chìm.*

*Ngươi sẽ nói ngôn ngữ của mình trên những vùng đất lạ,
Và sẽ được hiểu,
Ngươi sẽ thấy mặt Đức Chúa Trời
và sẽ được sống.*

*Đừng sợ,
Ta luôn dẫn đường cho ngươi,
Hãy theo ta,
Và ta sẽ cho ngươi nghỉ ngơi.*

-- Bài Ca Công Giáo --

Thứ năm, ngày 1 tháng 5 năm 1975 là một ngày tuyệt đẹp ngoài khơi. Mặt biển lặng và không một tí gợn sóng, tựa như mặt một tấm gương soi. Làn gió mát từ phương bắc hiu hiu lùa về làm mọi người cảm thấy thật dễ chịu.

Chị Lêvi lay tôi dậy sớm để xem mặt trời mọc. Chúng tôi ngắm những tia nắng ban mai phản chiếu và nhảy nhót lấp lánh trên mặt nước. Những đợt sóng xanh biếc hiền hoà chạy lăn tăn tuốt đến chân trời xa thẳm. Bầu trời thật quang đãng và ánh hừng đông đang tỏa sáng chói lòa.

Chúng tôi đang đi giữa Biển Đông thuộc biển Thái Bình Dương và không thấy đất liền. Tàu đi trong cô đơn với tiếng rì rì đều tai phát ra từ hầm máy.

Má tôi vẫy hai chị em tôi đi về cuối tàu, nơi mọi người trong gia đình đã tề tựu đông đủ quanh bà. Thật phấn khởi khi thấy mọi người ai cũng an toàn và thoải mái, và cũng thật là vui khi thấy người sĩ quan trẻ đêm qua đã chiến thắng tử thần. Chỗ anh ta ngồi còn vương lại dấu vết chứng tỏ anh đã nôn thốc hết những gì trong bụng. Anh ta có thể ngồi thẳng lên một mình. Bên cạnh anh, người vợ trẻ ngồi tựa đầu vào vai anh với vòng tay ôm trọn quần quít. Họ vẫn sống trong an bình và yêu thương.

Khi chị Lêvi và tôi vừa ngồi bệt xuống thì bé Huy-Hoàng đã thức giấc và chúng tôi đùa với nó. Huy-Hoàng và Trâm, con gái của dì Bảy, đang nghịch ngợm với mấy hộp nhỏ màu xanh lục, loại đồ ăn đóng hộp của lính Mỹ (MRE). Tiếng cười của hai trẻ thơ đại làm mọi người chung quanh vui lây. Má tôi phát bánh bích-qui và mút hộp lấy từ bịch MRE cho chúng tôi ăn sáng. Ngon thiệt tình. Vua chúa ăn điếm tâm cũng không bằng! Mọi người ngồi quanh thềm thường ngó, nên má tôi cũng ráng ra vẻ không quan tâm lắm. Bà pha ít sữa cho bé Hà. Bé Hà nằm thật gọn trong lòng bà khiến tôi thắc mắc không biết ai đang hạnh phúc hơn ai.

Vì ba tôi là vị sĩ quan mang cấp bậc cao nhất trên tàu, ông triệu tập đám đàn ông lớn tuổi về phía cuối tàu để bàn luận và để quyết định những gì phải làm sắp tới. Sau một lúc ngắn ngủi, ba tôi trở lại và báo cho mọi người biết là tàu sẽ đi về hướng Đảo Côn Sơn. Đảo này nằm cách đất liền của Việt Nam độ chín mươi cây số ngàn. Họ nghe nói Đệ Thất Hạm Đội của Hải quân Hoa Kỳ đang đón người tị nạn ở đó. Ai cũng hớn hở với quyết định này và hy vọng tràn trề là người Mỹ sẽ ra tay cứu vớt chúng tôi.

Tàu quay về hướng Nam và tăng thêm tốc lực. Chị Lêvi và tôi mò về chỗ dành cho chúng tôi. Ngang qua chỗ người sĩ quan và cô vợ trẻ của anh đang ngồi, tôi ngừng nhanh lại để đưa cho họ ít bánh bích qui và mút hộp mà tôi đã giấu trong túi để ăn riêng. Chị đàn bà ngược mắt nhìn tôi, tuy mệt mỏi nhưng vẫn lộ vẻ biết ơn, lặng lẽ gật đầu và mỉm một nụ cười lịch sự.

Xế trưa, chúng tôi thấp thoáng thấy Đảo Côn Sơn đằng xa. Càng đến gần đảo, chúng tôi càng thấy nhiều ghe tàu đủ loại lớn nhỏ dàn thành hàng quanh đảo. Đảo Côn Sơn thật ra là một chuỗi các đảo nhỏ với một đảo chính thật rộng nằm ngay giữa. Người Pháp đã xây một nhà tù lớn trên đảo chính để giam cầm những tù phạm chính trị và những tù hình sự có trọng án. Về sau, chính phủ VNCH đã trưng dụng đảo này và nắm toàn quyền kiểm soát. Đảo có cây cỏ mọc xanh um và phong cảnh tuyệt đẹp. Nó đứng sừng sững thật hùng vĩ ngay giữa lòng đại dương và tuy không có những bờ biển soai soãi cát, nhưng lại có rất nhiều mỏm núi đá. Nói một cách tương tự, trông nó không khác gì những mỏm núi đá mà ta vẫn thấy ở Vịnh Hạ Long ở miền duyên hải Bắc bộ. Khi trông thấy những đảo nhỏ, mọi người đều vui mừng và phấn khởi. Lần đầu tiên sau một thời gian khá lâu, tôi mới thấy má tôi, dì Bảy và mẹ Năm mỉm cười.

Chỉ còn cách đảo độ mười cây số thì một chiến thuyền của Hải Quân Hoa Kỳ chặn chúng tôi lại và bảo phải ngưng máy tàu. Dượng Bảy bảo cậu Năm, người duy nhất trên tàu biết nói tiếng Anh, nói lớn giọng cho mấy người lính Mỹ tàu bên kia nghe để hiểu rằng nếu chúng tôi ngừng máy thì không thể nổ

máy lại được. Cậu Năm lớn giọng chuyển lời của dượng Bảy, nhưng những người lính Mỹ dứt khoát bắt chúng tôi phải ngưng máy ngay tức khắc, súng của họ lăm lăm chia về phía mọi người trên tàu chúng tôi.

Ba tôi bảo viên thuyền trưởng ngừng máy. Chiếc tàu Hải quân Mỹ chạy vòng quanh tàu của chúng tôi và họ ra lệnh cho cậu Năm bảo mọi người trên tàu phải vứt hết súng đạn xuống nước. Tôi chẳng biết họ đã giấu súng, đạn, lựu đạn, súng tiểu liên ở đâu mà khi không, cả một đồng vũ khí bỗng lòi ra và bị vứt cả xuống nước. Chừng như đã thỏa mãn, những người lính Mỹ bảo rằng chúng tôi có thể nhập vào đoàn ghe thuyền đang tập trung gần đảo.

Khi cậu Năm dịch lại lời nói đầy khích lệ ấy, mọi người trên tàu đều mừng rỡ. Tuy nhiên, như dượng Bảy đã tiên liệu, máy tàu chúng tôi không thể nổ trở lại nữa. May mà các thủy thủ trên tàu chiến Mỹ ném cho chúng tôi một dây chèo to tổ bố dùng để cột vào tàu chúng tôi, và họ kéo tàu chúng tôi theo họ tiến về phía quần đảo.

Lúc gần đến đoàn ghe thuyền, ba tôi nhận ra một khu trục hạm của Hải quân VNCH mang số “07” và ra dấu cho cậu Năm, bảo tàu Mỹ kéo chúng tôi đi về phía chiếc khu trục hạm ấy. Họ đã làm theo lời yêu cầu của cậu. Ba tôi quay lại và bảo má tôi rằng chiếc khu trục hạm của Hải quân Việt Nam mang số “07” ấy là do một người bà con của chúng tôi tên là dượng Hưng làm chỉ huy trưởng. Chúng tôi chắc sẽ đỡ khổ hơn nhiều nếu được chuyển qua tàu của dượng Hưng. Má tôi rất cảm kích khi nghe thấy có một người bà con đang hiện diện trong đoàn tàu nên bảo ba tôi cứ đi hỏi thử. Ba tôi, một vị tư lệnh quân đội với nhiều chiến tích, vẫn là người lãnh đạo, nhưng má tôi mới chính là người có thẩm quyền tối hậu cho những việc hệ trọng của gia đình.

Khi tàu chúng tôi đã rà gần khu trục hạm của dượng Hưng, dượng Hưng reo lên mừng rỡ khi gặp ba tôi. Ông ra lệnh cho những người trên tàu thả xuống một khung lưới lớn và họ đã

đỡ chúng tôi vào tàu của dựng. Ông ngó xuống hỏi lớn: “Vợ tôi có đi được với anh không?”

Ba tôi buồn bã lắc đầu. Mặt dựng Hưng bỗng tối sầm lại. Dựng quay mặt qua phía khác một chập và khi dựng quay lại thì mắt ông đã nhòa lệ.

Dựng Hưng và ba tôi có tình thân với nhau còn hơn cả tình bà con thuở còn niên thiếu ở Nha Trang. Cả hai chơi túc cầu ăn rơ với nhau từ nhỏ. Cả hai đều có lý tưởng yêu nước: dựng Hưng trở thành sinh viên của Học Viện Hải Quân Việt Nam trong khi ba tôi đi thụ huấn ở Trường Đào Tạo Sĩ Quan. Cả hai vẫn liên lạc thường xuyên với nhau suốt thời gian tại ngũ. Cũng như ba tôi, dựng Hưng phục vụ rất đặc lực và được giao phó trọng trách chỉ huy trưởng của một chiến thuyền riêng. Đây là một đặc quyền chỉ dành cho những sĩ quan cao cấp của Hải quân Việt Nam Cộng Hòa.

Gia đình dựng dọn từ Nha Trang vào hẳn ở Vũng Tàu, một thành phố du lịch miền biển chỉ ở cách Sài Gòn độ 80 cây số. Khi Sài Gòn thất thủ, vợ Hưng lúc ấy đã có ba đứa con dại, lại còn đang mang bầu được hơn tám tháng,. Trước đó, ba má tôi có hỏi vợ cùng di tản với chúng tôi hay không, nếu chúng tôi phải rời Việt Nam, nhưng vợ Hưng đã khước từ. Vợ cảm thấy nếu ở lại thì sẽ an toàn hơn cho cái thai trong bụng và cho cả mấy đứa con còn nhỏ.

Sau khi tất cả đã lên tàu dựng Hưng đầy đủ, ba má tôi mới báo cho dựng biết quyết định của vợ. Dựng òa khóc. Dựng quá đau buồn vì nỗi thương nhớ vợ và đàn con, nhất là đứa bé sắp chào đời mà chắc dựng sẽ không bao giờ thấy mặt. Nỗi đau buồn ấy làm dựng khóc thành tiếng nức nở ngay trước mắt chúng tôi.

Dựng Hưng xa gia đình đã từ nhiều tháng nay vì phải làm công tác chuyển quân và tiếp tế cho tiền tuyến. Dựng rất ít khi liên lạc với gia đình. Khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức, vị Đô Đốc của dựng đã truyền lệnh cho tất cả các tàu thuyền của Hải Quân Việt Nam phải đóng quân tại

Côn Sơn và không được trở về căn cứ. Sài Gòn sụp đổ quá nhanh đến nỗi dưỡng đã không kịp nhắn gọi mẹ và cả gia đình ra đi cùng với dưỡng.

Dưỡng vẫn khóc. Ba má tôi dùng hết lời để an ủi dưỡng, nhưng vô ích. Dưỡng buồn bực đến nỗi chỉ muốn quay về với người vợ đang mang thai và đàn con của dưỡng. Ba tôi phải cắt nghĩa cho dưỡng hiểu về tình hình ở Sài Gòn như thế nào, và những hiểm nguy đang rình rập một sĩ quan cao cấp như dưỡng, một khi dưỡng về lại đất liền ra sao. Ba tôi khuyên dưỡng hãy bình tĩnh trước khi có bất kỳ một quyết định quá nông nổi. Dưỡng lắng nghe ba tôi rồi đi vào buồng dành riêng cho thuyền trưởng và ngồi khóc.

Trong lúc ấy, tất cả chúng tôi đã lên tàu dưỡng Hưng đầu vào đó. Những người trong tàu dưỡng tỏ vẻ rất nể trọng chúng tôi. Biết chúng tôi là bà con của dưỡng Hưng, họ ân cần dọn đồ ăn cho chúng tôi dùng bữa. Họ lại dọn cho ba má tôi một phòng có gắn máy lạnh, loại phòng dành riêng cho những yếu nhân đang thăm viếng và ở lại trên tàu. Phần chúng tôi thì được chỉ chỗ ở, nằm ở những tầng thấp hơn.

Tàu dưỡng Hưng là một trong số rất ít những khu trục hạm được giao quyền điều khiển cho Hải Quân VNCH. Người Mỹ đã đóng những tàu này cho họ. Tàu này rộng mênh mông và có tới ba hoặc bốn tầng. Tầng trên cùng được trang bị súng hạng nặng và hệ thống kiểm soát bằng điện tử. Những tầng dưới dành cho thủy thủ trên tàu, đồ tiếp liệu và đủ loại vũ khí. Tàu dưỡng Hưng có đầy đủ nhân sự chuyên về đi biển, trong đó có hơn 100 binh sĩ TQLC với đủ loại vũ khí và đồ quân dụng.

Sau khi thu xếp phòng ốc đầu vào đó, má tôi nói ba tôi xuống xem dưỡng Hưng ra sao. May mà ba tôi đã làm theo. Ông bắt gặp dưỡng Hưng trong phòng với khẩu súng lục đang dí vào đầu.

Ba tôi van dưỡng hãy bỏ ý định ấy và chọn lấy cái sống. Dưỡng Hưng lắng tai nghe lời khuyên của người bạn tốt của

ông, nhưng ông chán đời quá đỗi. Khi dựng thấy những đứa trẻ chạy nhảy tung tăng, ông liên tưởng đến gia đình mình và không thể cầm được nước mắt.

Chiều đến, Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ truyền lệnh cho cả đoàn tàu lên đường hướng về phía Phi-luật-tân. Khi nghe xong lệnh rời bến, nhiều binh sĩ và thủy thủ trên tàu, vốn không về thăm nhà đã lâu, xin dựng cho phép họ dùng những xuồng cấp cứu để bơi vào đất liền. Biết trước những hiểm nguy đang chờ đợi, dựng Hưng cố thuyết phục họ đừng về, nhưng cuối cùng, có mấy chục người quả quyết muốn về và dựng Hưng đành phải ra lệnh hạ thủy vài chiếc xuồng cấp cứu cho họ.

Buồn thay khi thấy những thủy thủ và binh sĩ dạn dày với binh nghiệp, nay phải rũ sạch quân trang và vận áo quần thường dân. Họ liêu chết vì còn nặng lòng với gia đình, chỉ để quay về một đất nước chẳng còn chút thiết tha gì với họ.

Vừa khi đoàn tàu lên đường đi Phi-luật-tân, dựng Hưng tìm cách nhảy vào một xuồng cấp cứu để đi theo những người trở về, khiến ba tôi, dựng Bảy và cậu Năm phải túm lấy dựng và ghì dựng xuống. Cả bốn người đều khóc. Nhiều người trong chúng tôi cũng rơm rớm nước mắt.

Từ Đảo Côn Sơn đến Subic Bay ở Phi-luật-tân, cuộc hành trình kéo dài ròng rã ba ngày liền trên biển. Suốt chuyến đi, dựng Hưng cho phép bọn con nít chúng tôi tha hồ chạy nhảy khắp nơi trên tàu, ngoại trừ những ổ súng và tầng dành riêng cho binh lính. Từ phòng kiểm soát của thuyền trưởng, ta có thể thấy được nhiều dặm đường biển. Có đến hơn bốn mươi hải thuyền thuộc Hải đội Hoa Kỳ và hàng trăm chiếc thuộc Hải đội VNCH, tàu bè của thường dân và ghe thuyền đủ loại trong đoàn tàu này. Tàu dựng Hưng có võ trang tự vệ nên được xếp đi ngay sau chiếc dẫn đầu. Nhờ thế, chúng tôi tha hồ ngắm nhìn cảnh đại dương bao la trải dài trước mắt cũng như thấy được một hải đoàn thật hùng hậu nối đuôi theo sau.

Mỗi ngày, khi nắng đã lên, sàn tàu nóng như hơi lửa đến nỗi ai đi chân đất có thể bị phỏng gan bàn chân được. Dựng Hưng

bảo thủy thủ đem trái khế sắn những tấm "tăng" nặng, loại của quân đội vẫn dùng, để chúng tôi có thể tha hồ chạy giỡn với nhau, thiệt là đã ! Chúng tôi đuổi nhau chạy tứ tán để rớt cuộc lại chui xuống bóng mát của những chiếc xuồng cấp cứu. Giờ ăn trưa, đầu bếp trên tàu dọn cho chúng tôi những món bún, cơm, và thịt vò viên. Chúng tôi mặc tình ăn uống, trò chuyện, cười đùa với nhau thả giàn, chả khác gì những khách nhàn du đang nghỉ mát trên những du thuyền đắt tiền. Chiều về, biển lồng lộng gió mang đến một cảm giác hồi sinh trên từng mảng da thịt. Bữa ăn tối lúc nào cũng thế. Chúng tôi vừa hóng gió chiều hiu hiu, vừa ăn thịt, ăn cơm cho bữa tối, vừa ngắm cảnh chiều tà. Rồi đêm đến, tắt cả các tàu trong hải đoàn bật hết đèn điện làm sáng choang cả một vùng biển, khiến đoàn tàu trông như một đô thị di động.

Tôi thường nằm ngửa trên sàn tàu dưới bầu trời có muôn ngàn vì sao lấp lánh, thắc mắc cho thân phận của những bạn bè tôi đang bị bỏ lại. Là một học sinh giỏi lại vừa là trưởng lớp, các cha luôn nhờ tôi tính điểm và xếp hạng hàng tháng cho mọi người trong lớp; cho nên tôi nhớ tên tất cả các bạn học cùng lớp và mỗi đứa thường được xếp hạng mấy hàng tháng. Tôi cứ áy náy không hiểu các bạn tôi nghĩ gì khi thấy má tôi bắt tôi phải bỏ về giữa chừng. Tôi biết chắc rằng càng ngày càng có các bạn học của tôi bị kéo về và không biết nhà tu còn lại những ai, những người còn lại ắt sẽ vô cùng hoang mang. Tôi ray rức nghĩ đến các cha các thầy của tôi, không biết có ai bỏ ngang các học trò của mình để về giúp gia đình đi trốn.

Tôi cảm thấy nhớ những sinh hoạt đời tu, những buổi nguyện gẫm, những lúc chơi túc cầu, bóng chuyền, những bữa cơm đạm bạc và những giờ học dài đằng đằng. Tôi cầu nguyện thật nhiều cho các bạn tu của tôi và những người còn kẹt lại, và băn khoăn không biết đến bao giờ thì chúng tôi mới được dịp tái ngộ nhau trong đời.

Rồi tôi mơ tưởng đến nước Mỹ. Tôi đã xem nhiều phim chiếu bóng Mỹ và mừng tượng đến xứ sở của những chàng cao bồi, những sa mạc mênh mông ở miền viễn tây, những ngọn núi phủ đầy tuyết và những bông lúa chín vàng trên những cánh

đồng đang nằm rạp trước gió. Tôi mơ thấy những trái táo đỏ mọng, những thỏi sô-cô-la, kẹo chewinggum, đủ thứ kẹo ngọt và cà-rem thật ngon. Tôi sung sướng thả hồn vào giấc ngủ.

Chúng tôi đến Phi-luật-tân vào một buổi chiều. Nhìn từ xa, những quần đảo này thật là tuyệt vời, nước biển trong sạch như mơ, và những hòn đảo xanh đẹp vô cùng. Chúng tôi thấy những ngư phủ Phi đang đánh cá trên những ghe thuyền bằng ván. Những ghe này có những thanh gỗ chia ra hai bên lườn ghe; ở mỗi bên lườn, những thanh gỗ này được xâu vào một cái phao hoặc một thân cây để giữ cho ghe được thăng bằng và không bị lật úp.

Đất nước này đẹp quá! Lại rất bình an. Không một dấu tích của chiến tranh.

Phía Hải quân Mỹ ban lệnh cho chúng tôi phải thả neo ở ngoài cảng. Tất cả các binh sĩ VNCH phải nộp hết vũ khí, tháo lon, và phải giao tất cả tàu thuyền cho thủy thủ Mỹ điều khiển. Cảnh tượng thật đau lòng. Tất cả binh lính và sĩ quan phải đứng xếp hàng trật tự như nhau. Từng người một, tất cả phải vứt hết súng đạn và phù hiệu binh chủng, cấp bậc xuống biển. Nhiều người rung rức khóc.

Hải quân Mỹ bảy giờ mới hạ thấp lá cờ vàng ba sọc đỏ của VNCH xuống, rồi giương cao lá cờ Hoa Kỳ, giữa lúc bài quốc ca của họ được thổi lên. Tôi bắt gặp những khuôn mặt đầm lệ của những binh lính và sĩ quan VNCH khi họ nhìn lá cờ Mỹ đang phất phới giương lên trên cột cờ. Ba tôi, dưỡng Bảy, cậu Năm đứng sát cánh bên nhau, cả ba người cố ngăn tiếng nấc nghẹn ngào và đưa tay gạt lệ.

Mãi đến khi tàu chúng tôi được phép cập cảng để mọi người đổ xuống bên thì lúc ấy đã hai giờ sáng. Các viên chức Mỹ lừa hết chúng tôi vào một nhà kho lớn, nơi đã có hàng ngàn người Việt tị nạn đang đứng đợi làm thủ tục hành chánh. Có người đi tị nạn, chỉ ra đi với hai tay không; có người mang theo va-li như đi nghỉ mát. Chúng tôi mang theo những túi áo gói khiêm tốn và ai nấy đều đi sát nhau thành từng tốp chặt chẽ hầu tránh bị

lạc.

Mọi người đứng xếp hàng, đợi cho đến lúc gần sáng. Một viên chức Mỹ đóng mộc in cái gì đó lên bàn tay mỗi người chúng tôi và gặp ai cũng chỉ hỏi một câu hỏi. Tuy chẳng hiểu gì, nhưng cậu Năm đã dặn trước với chúng tôi là cứ "Dạ" với họ là xong. Kế đến, chúng tôi đứng qua một bên để xếp hàng thành một hàng mới. Lại một viên chức khác đưa chúng tôi một tờ giấy và bảo phải ký vào đó mà chúng tôi chẳng hiểu mình đã ký cái gì, và đưa cho chúng tôi thêm ít đơn từ để giữ lại. Rồi tất cả lại bị lừa vào một khu vực chờ đợi, nơi đã có hàng chục ngàn người Việt tị nạn đang ngơ ngác đứng ngồi rải rác.

Đến trưa, chúng tôi được lệnh phải ra xếp hàng trước một tàu chuyên tải dầu thô siêu hạng, có tên là "Green Forest." (Rừng Xanh). Tàu Green Forest là một trong những tàu chuyên tải dầu thô lớn nhất vào thời đó. Lòng tàu có hơn sáu tầng và mỗi tầng có diện tích rộng bằng vài sân vận động cộng lại. Dầu thô trong lòng tàu chỉ được gấp rút chùi rửa nên vẫn còn nặng mùi dầu đến phát buồn nôn.

Phải mất hết mấy giờ liền mới đón hết mọi người vào bên trong con tàu khổng lồ. Mỗi gia đình được cấp cho một khoang rộng bằng chiếc chiếu đôi có xác định ranh giới bằng đường băng keo dán trên sàn kim loại nhầy nhựa. Gia đình chúng tôi đông người nên được chia cho hai khoang. Gia đình cậu Năm và dưỡng Bảy ở cạnh, và vì hai nhà cũng đông con không kém gì ba má tôi nên mỗi gia đình cũng được cấp hai khoang trên sàn tàu. Dưỡng Hưng thì nhập bọn với vài người đồng thân khác thành một gia đình. Chúng tôi nằm ngay giữa lòng tàu, không có cửa sổ, sống chen chúc với hàng ngàn người tị nạn khác.

Họ giữ chúng tôi ngồi yên tại khoang vài giờ, trong khi đợi tất cả mọi người lên tàu. Mùi dầu hăng hắc và không khí ngột ngạt làm ai cũng muốn bệnh và mau kiệt sức. Hà và Huy-Hoàng thì cứ khóc oe oe làm mọi người ngồi quanh càng thêm bứt rứt. Má tôi lấy đồ ăn MRE còn sót lại trong mấy túi áo gối và phát cho chúng tôi dùng bữa. Những gia đình bên cạnh thì đành nhịn đói vì không có chuẩn bị.

Tàu dầu này không có nhà vệ sinh ở những tầng dưới. Các viên chức Mỹ đã phải dựng những nhà vệ sinh tạm ghép bằng ván. Những nhà cầu này được treo lơ lửng song song bên mạn tàu, bên ngoài boong tàu và cách mặt nước biển độ chừng hai mươi mét. Để đi lên boong, chúng tôi phải dùng một cầu thang treo làm bằng những thanh gỗ đều nhau. Càng về sau, khi chiếc tàu càng đi xa ra biển, sóng gió và chuyển động lắc lư của con tàu đã khiến mỗi lần đi nhà cầu là cả một cuộc mạo hiểm đầy gian nan. Đối với những người không thích độ cao thì mỗi lần dùng nhà cầu quả là một thử nghiệm hãi hùng.



Tàu chở dầu siêu hạng Green Forest

Tàu dầu Green Forest rời vịnh Subic Bay vào xế chiều hôm ấy. Mọi người trên tàu reo hò rộn rã khi chiếc tàu từ từ rời xa bến cảng. Không ít người đua nhau dùng cầu thang gỗ trèo lên boong tàu để hít thở khí trời. Những người khác thì ùa nhau đến những khe hở giữa các tầng ngó ra biển để hóng gió. Chẳng những là sinh hoạt trên tàu bất tiện, lại thêm sóng gió ba đào trên biển mới khổ. Có những ngày sóng cuộn từng đợt cao đến mười, mười lăm mét, liên tục nhồi con tàu, như ta nhồi một

cái tàu đồ chơi trong bồn tắm vậy. Rồi đến những cơn gió mạnh ào ào kéo đến, trước khi bắt đầu một trận mưa phù phàng. Mỗi khi mưa giông kéo đến, những người ở bên bìa, tức là những khoảng khe hở giữa các tầng của con tàu, phải lật đật chạy đi chỗ khác. Nước đọng từng vũng trên những mặt sàn làm sàn tàu trở nên trơn trượt, rất nguy hiểm. Mỗi khi có bão, nhiều người trên tàu say sóng, nôn ọe, đua nhau rên rỉ, ai nấy cũng đều chịu trận như nhau.

Những ngày trời quang đãng, không ít người trong chúng tôi thay phiên nhau lên boong tàu để hưởng khí trời, nhưng lại bị tạt nước ướt mềm. Nước này có khi là nước biển vỗ mạnh vào lườn tàu rồi dội ngược lên, hoặc nước từ những cầu tiêu treo ngang lườn tàu bị xóc ra. Vốn dễ bị say sóng hơn ai hết, tôi bị dập toi tả. Tùy theo điều kiện sóng gió ít nhiều trên biển, tôi phải trèo lên boong tàu vài lần trong ngày chỉ để nôn ọe. Lại một điều là trong lúc tôi bị bầm dập như thế thì các anh chị và các em tôi, ai cũng tỉnh bơ như không.

Cuối cùng thì chiếc Green Forest cũng vào đến đảo Guam. Thật là một ơn trời cho. Trước khi đi, chúng tôi mong được lên tàu nhanh chóng nào thì bây giờ chúng tôi càng muốn xuống tàu lẹ chừng này. Tàu cập bến lần này cũng vào lúc tối. Một lần nữa, phải đợi từ giờ này qua giờ khác mới trút hết hàng ngàn, hàng vạn người Việt tị nạn trên tàu xuống bến. Tôi chưa bao giờ thấy sung sướng khi đi trên mặt đất như lần này.

Đảo Guam là mảnh đất đầu tiên thuộc về lãnh thổ của Mỹ mà chúng tôi đặt chân lên. Rồi lại xếp hàng, nhiều hàng hơn cả trước đây. Tuy nhiên, lần này thì các nhân viên Mỹ tiến hành thủ tục khám sức khỏe sơ khởi cho mọi người. Trong khi tiến hành những thủ tục rườm rà thì ba gia đình chúng tôi bị tách rời ra. Sau đó, họ chất chúng tôi lên những chiếc quân xa, vốn đậu thành đoàn đến hàng trăm chiếc và đang đứng đợi, để được chở vào các trại tị nạn trên đảo.

Những trại tị nạn trên đảo đã được các lính Mỹ vội vàng dựng lên ở tuốt luốt cuối quần đảo. Những trại này có hàng rào nổi mắt xích bao bọc, bên trên có giăng thép gai. Khi xe đỗ chúng

tôi xuống công trại, tôi vẫn thắc mắc không biết những hàng rào kiểu này nhằm mục đích bảo vệ chúng tôi hay để ngăn không cho người biểu tình phản chiến ulla vào.

Khi đã vào trại hãn hoi, tôi thấy có hàng ngàn chiếc lều dựng ngay bên trên nền đất sét đỏ. Bên trong mỗi chiếc lều đã có hàng chục chiếc ghế bố căng sẵn. Mỗi lều chỉ có duy nhất một bóng đèn treo lác lẻo bằng một cọng dây kẽm, thả xuống ngay chính giữa. Cứ một dãy độ một chục chiếc lều như thế thì có hai nhà cầu tạm ở mỗi đầu dãy. Cứ mỗi một trăm lều thì có một hai nhà tắm công cộng, một cho đàn ông và một cho đàn bà. Các quân nhân Mỹ chở nước hằng ngày cho chúng tôi bằng những công xa để chúng tôi dùng vào việc tắm rửa hoặc dùng vào việc ăn uống.

Thật ra thì mỗi chiếc lều được dùng để chứa tối thiểu là hai gia đình, nhưng vì gia đình chúng tôi quá đông nên họ cấp cho ba má tôi hẳn một chiếc. Má tôi òa khóc khi nhân viên người Mỹ chỉ cho thấy chiếc lều của chúng tôi. Chúng tôi ngồi bệt xuống chiếc ghế bố và phẩy quạt tay lia lịa cho bớt oi bức trong khi ba tôi phải ráng hết sức để đỡ dành má tôi.

Mỗi trại tị nạn đều có một nhà đại sảnh dùng nhà ăn công cộng. Nhà "đại sảnh" này chẳng qua cũng chỉ là một chiếc lều lớn mênh mông mà người Mỹ vẫn dùng để nấu nướng và phục vụ nhu cầu ẩm thực. Chúng tôi cũng ngồi trên những băng ghế dài ở nhà ăn công cộng này để dùng bữa. Chưa chi đã thấy mấy trăm người đang xếp thành hàng dài để lấy cơm.

Tôi xin phép ba tôi cho tôi đến nhà ăn này để nghe ngóng. Rồi anh Hưng và tôi chạy ulla ngay đến đây để đứng xếp hàng đợi phân lãnh phần. Đợi được hơn một giờ đồng hồ thì chúng tôi được lãnh mỗi người hai khoanh bánh mì trắng, ít thịt hầm và một lát bánh ngọt làm bằng quả đào. Chúng tôi chạy vội về lều và đưa bằng nấy món cho ba má tôi thấy. Thế rồi mấy chị em gái của tôi, anh Hưng và tôi lại chạy ra nhà ăn để đứng xếp hàng lần nữa.

Sau cơm trưa, tôi tìm thấy nơi phát đồ ăn cho trẻ sơ sinh và tả cho bé Hà và Huy-Hoàng. Tôi rất sung sướng với khám phá này nên không ngại đứng xếp hàng lần nữa để lãnh đồ cho chúng. Má tôi rất vui khi người Mỹ không những đã nuôi chúng tôi, lại còn lo cho trẻ sơ sinh thật chu đáo. Để lãnh bữa ăn tối, mọi người lại bắt đầu xếp hàng từ ba giờ rưỡi chiều. Tôi đứng xếp hàng chờ phiên lần nữa, tái diễn sinh hoạt đã làm lúc trưa để lãnh phần ăn. Tôi cũng xếp hàng đi lãnh những thứ khác suốt cả ngày, lòng thấy vui vui.

Chiều hôm ấy, tôi ra bãi rác và lượm được một xô xách nước có dung tích độ 18 lít. Tôi mang nó ngay đến chỗ phát nước và xin một xô đầy nhóc rồi đem về lều. Má tôi lúc ấy rất cần nước để tắm cho hai em Hà và Huy-Hoàng. Tắm xong, cả hai trông vui nhộn và tươi tỉnh hẳn. Hai đứa nhỏ mặc tả rộng thùng thình nom thật khôi hài, trông như lọt thỏm vào một cái bị rộng quá khổ. Bóng đèn điện duy nhất của lều tự động sáng lên vào lúc 7 giờ tối. Nằm ngủ trên mấy chiếc ghế bố thiết là không thoải mái chút nào, nhưng ít ra là chúng tôi không phải nằm đất hoặc phải hít khói máy. Quá kiệt lực, chúng tôi lăn đùng ra ngủ lúc chín giờ tối. Và ai cũng ngạc nhiên là đảo Guam này không có muỗi.

Sáng hôm sau, ba tôi đi ngay lên Trung tâm Điều hành của trại để đăng ngay một thông báo tìm anh Hùng, may ra tìm được anh nếu anh đi thoát. Rồi ông đi kiếm cậu Năm và dưỡng Bảy cùng với gia đình họ. Ông tìm được gia đình cậu Năm trước ở một trại nằm tuốt dưới một khu vực xa nhất. Cậu Năm đã làm quen với một vài gia đình Việt Nam ở quanh lều của cậu. Khi biết cậu nói giỏi tiếng Anh, họ luôn đến nhờ cậu giúp đỡ mỗi khi cần thông dịch điều gì. Cậu Năm giờ trở thành một nhân vật quan trọng trong trại. Về sau, cậu tình nguyện lên văn phòng điều hành trại và làm việc với các nhân viên người Mỹ để giúp đỡ các đồng bào tị nạn khác.

Trên đường trở về trại, ba tôi gặp dì Bảy, dưỡng Bảy và đàn con của họ ở trong một chiếc lều cách lều chúng tôi không xa lắm. Dì , dưỡng Bảy mách rằng họ được phát đồ ăn ngon hơn, được phòng tắm vệ sinh hơn, bởi lẽ trại của họ còn thừa người,

chứ không phải lều nào trong trại cũng đều có người ở. Ba tôi rất vui khi thấy nhà nào cũng ổn định, xong xuôi đâu vào đấy.

Điều kiện vệ sinh của trại thật là tệ hết sức. Nhà cầu và phòng tắm nào cũng thô sơ và dơ dáy. Trên đảo lúc nào cũng có bụi cát thổi như quét vào mặt mũi, đồ ăn, áo quần, và chui cả vào lều ở của chúng tôi. Hậu quả là mắt, mũi của tôi và chị Lêvi bỗng nhiên bị nhiễm độc trầm trọng ngay từ lúc vừa bước chân vào trại. Hai chị em tôi phải vào bệnh xá của trại để xin thuốc trụ sinh nhỏ mắt và bị bắt ở riêng, không được chung chạ với những người khác trong gia đình cho đến khi khá hẳn. May mà trong nhà tôi không có ai khác bị lây bệnh. Có điều là trong lúc hai chị em tôi bị cách ly, anh Hưng phải lãnh trách nhiệm một mình đi lấy nước và xin tả cho hai đứa bé. Cho nên, anh mừng rỡ khi thấy bệnh tôi đã thuyên giảm và đã có thể giúp anh đi xách nước về dùng trong nhà .

Một ngày nọ, trong khi xách một xô nước đầy nhóc đi về lều, một quân nhân Mỹ đi cạnh hỏi tôi “Heavy?” và đưa tay ra dấu để diễn tả. Tôi ngỡ ngác không hiểu mô tê gì và đến đêm thì thức trắng, ráng nặn óc để hiểu ý của anh ta. Tôi chỉ biết là tôi chẳng làm gì đụng chạm đến anh, tôi cũng chăm chú không để nước trong xô trào ra một cách phí phạm, nhưng chỉ vì vốn liếng tiếng Anh của tôi chả có bao nhiêu nên không thể hiểu nổi người bạn Mỹ ráng nói với mình điều gì. Những năm học tiếng Pháp trong nhà dòng chả được ích gì cho tôi trong hoàn cảnh hiện nay. Sáng hôm sau, tôi hỏi ba tôi chữ “heavy” có nghĩa là gì. Từ đó, tôi mới nghiệm thấy cuộc sống mới ở nước Mỹ chắc chắn sẽ mang lại nhiều thách đố. Vấn đề bất đồng ngôn ngữ mới chỉ là một trong những thách đố ấy.

Gia đình chúng tôi sống ở trại tị nạn trên đảo Guam được hơn một tháng. Trong nhóm ba gia đình chúng tôi cùng đi tị nạn với nhau, gia đình cậu Năm được vào Mỹ định cư trước hết, phần lớn là nhờ cậu biết nói tiếng Anh. Nhờ tình nguyện làm thông dịch viên trong trại, hồ sơ tị nạn của gia đình cậu Năm được cứu xét chỉ trong vòng hai tuần sau khi nhập trại. Cả gia đình cậu rời đảo Guam để chuyển về trại Pendleton ở tiểu bang California. Chẳng bao lâu sau, dì Bảy, dượng Bảy và cả đàn

con cũng được đưa về trại Pendleton. Chúng tôi là những người trong nhóm còn sót lại.

Lòng tôi thật xao xuyến khi tiễn những người anh em họ của tôi rời trại. Dầu vui mừng và hớn hờ khi thấy tất cả được đi Mỹ định cư, nhưng chúng tôi cũng thấy lòng dâng lên một nỗi buồn man mác và băn khoăn không biết ngày nào anh em chúng tôi lại có dịp tái ngộ với chúng. Cậu Năm và dì Bảy là những người dễ thương nhất trên cõi đời này. Con cái của cậu và dì rất biết cư xử và ai cũng dễ mến. Những đứa lớn thì đặc lực với việc nhà, trong khi những đứa bé hơn thì luôn lễ độ và ngoan ngoãn. Chúng rất hòa thuận với mấy anh em chúng tôi. Giọng nói của chúng tuy có nặng âm của người Nha Trang, nhưng ngoài ra, chúng cũng như anh em chúng tôi, một lũ con nít ham thích nô đùa, cùng lớn lên trên một quê hương đỏ nát vì chinh chiến.

Cậu mợ Năm, ba má tôi và dì dưỡng Bảy là những bậc cha mẹ trong một đại gia đình đã sát cánh bên nhau trong mọi hoàn cảnh trong những tháng gần đây. Chúng tôi quen nương tựa vào nhau để hợp lực và nâng đỡ tinh thần cho nhau. Những bậc cha mẹ này đã cùng ra tay che chở cho gia đình họ được an vui và đã dìu dắt nhau đến bến bờ tự do trong yên hàn. Không ai màng phải chịu bất kỳ một hy sinh gì, ngay cả mất mát toàn bộ gia sản và những gì chất chiu được của một đời làm lụng vất vả. Tất cả đã bình thản trước những thách đố và cùng hiệp lực với nhau để chăm lo cho chúng tôi. Má tôi buồn chết được khi chia tay với dì Bảy, người em ruột duy nhất có ràng buộc huyết thống từ quê nhà. Cả hai cứ quấn quít bên nhau mãi đến lúc dì Bảy buộc phải lên xe công xa Mỹ để ra phi trường. Vừa vẫy tay chào, má tôi vừa khóc sụt sùi.

Trong thời gian ở trại tị nạn, anh Hưng tôi dạy cho tôi biết bơi ở một bãi biển gần trại. Anh Hưng lớn hơn tôi hai tuổi, và đi tu ở Tu Viện Sao Biển, một chủng viện tọa lạc ngay sát một bãi biển ở Nha Trang, gần nhà dì Bảy. Anh bơi như rái, nhưng cũng rất nhẫn nại để dạy tôi cách làm nổi thân hình trên mặt nước. Ở chủng viện, anh cũng được học tiếng Pháp và tiếng Anh, cho nên anh biết nói chút ít tiếng Anh. Anh Hưng cũng có

tài xã giao, một năng khiếu nổi bật và nhạy hơn tôi rất nhiều. Thế nên, hằng ngày, tôi đi với anh ra bãi và tập bơi, trong khi anh đi làm quen với mấy người bạn Mỹ. Những đứa anh em họ của chúng tôi rời trại cũng khá lâu rồi.

Một chiều nọ, ba tôi báo cho cả nhà biết rằng chúng tôi sẽ được chuyển qua một trại chờ đợi ở Mỹ, nằm trong khuôn viên của căn cứ Không Quân Eglin, tiểu bang Florida. Tôi cũng chẳng biết tại sao chúng tôi lại không được chuyển đi trại Pendleton để chúng tôi được ở cùng với cậu Năm, dưỡng bả và gia đình của họ. Dầu vậy, tôi cũng ba chân bốn cẳng chuẩn bị hành trang gấp rút để lên đường sang Mỹ ngay ngày hôm sau.

Tại phi trường, tôi mét ba tôi rằng tôi có thấy một loại máy bán bia thật sự. Dù tỏ vẻ hoài nghi, ông vẫn móc túi ra đưa tôi đồng 25 cent và bảo tôi đi mua cho ông một lon bia lạnh. Trong khoảnh khắc, tôi chạy về và đưa ông một lon "bia". Khoái quá, ông khui lon "bia" và làm ngay một hớp. Rồi ông nhả cả mặt và đưa trả tôi lon "bia". Ông bảo cái này là "root beer". Tôi nào có hiểu "root" là gì. Ném thử thì nó như là xá xí ở Việt Nam, chứ không phải một loại bia rượu mà ba tôi vẫn ưa uống.

Người Mỹ cho chúng tôi đi máy bay dân dụng Boeing 747. Chuyến bay từ Guam đến Florida chỉ dừng một lần ở Hawaii. Chiếc máy bay khổng lồ này còn hoành tráng hơn tất cả những loại máy bay mà tôi từng đi ở Việt Nam nhập lại. Đồ ăn trên máy bay lại ngon và phục vụ rất đặc lực. Những cô tiếp viên xinh đẹp dọn bữa tối cho chúng tôi món bò kho ăn với khoai tây nghiền và uống nước coca cola. Gia đình tôi ngồi cả một đám với nhau. Các cô tiếp viên lúc nào cũng niềm nở và ân cần tiếp đồ ăn, đồ chơi liên tục cho Huy-Hoàng và Hà.

Giữa chuyến bay, má tôi bảo ba tôi xin cô tiếp viên mấy cái tả cho Hà. Thật buồn cười khi thấy ba tôi ra sức diễn tả điều ông xin bằng cách dùng tay ra hiệu. Tuy có phần ngơ ngác, cô tiếp viên nghe xong vẫn bỏ đi ít phút, chập sau quay trở lại với một hộp đầy tả con nít. Tôi dám cuộc là cô này thế nào cũng được

một trận cười ngặt nghẽo với những cô tiếp viên đằng sau.

Trong lúc máy bay dừng lại tại Hawaii, chúng tôi không được phép ra khỏi khu vực chờ đợi. Nhưng từ trong phi trường, chúng tôi có thể thấy những bãi biển thật đẹp với những hàng cây palm, na ná như những bãi biển ở Nha Trang.

Chẳng bao lâu nữa, chúng tôi sẽ vào đất Mỹ.

BAN ĐIỀU HÀNH CÁC DOANH TRẠI QUÂN ĐỘI
NHÓM HỖ TRỢ 45, GUAM
FPO SAN FRANCISCO, 96630

AFVG- ONL- CO

23 Tháng Sáu 1975

Lê Công Chính
"Chiến dịch Cuộc Đời Mới"
Căn cứ Hải quân Orote Point
FPO San Francisco 96630

Thưa ông Lê Công Chính,

Nhân cơ hội trại Rainbow ở căn cứ Hải quân Orote Point trên đảo Guam sắp đóng cửa, tôi xin mạn phép được bày tỏ lòng tri ơn của cá nhân tôi đến quý ông vì những giúp đỡ quý báu mà ông đã đóng góp để việc điều hành những công việc thiết yếu trong trại tiến hành một cách khá suông sẻ.

Khả năng tổ chức và duy trì trật tự mà ông đã nỗ lực để điều hành một phân bộ của trại chứa đến 2000 người tị nạn, là yếu tố thiết thực giúp chúng tôi giảm thiểu những khó khăn trong công tác quản trị một cách đáng kể. Những sáng kiến mới mẻ cũng như cách tổ chức ban điều hành của ông đã khiến ông phân phát kịp thời một số lượng khá lớn áo quần và những phẩm vật cứu trợ khác. Những việc làm của ông xuất phát từ lòng hăng say liên tục để cốt lo cho cuộc sống an vui của mọi người, và do đó, trại tị nạn đã trở nên một chặng dừng chân dễ sống hơn cho mọi người trên đường đi định cư ở Hoa Kỳ.

Những mối liên lạc mà ông đã thiết lập giữa những người trong trại và ban điều hành của quân đội đã giúp chúng tôi giải quyết nhanh chóng những vấn đề mà chúng tôi hay gặp phải.

Một lần nữa, tôi muốn nói lên lòng biết ơn của tôi đối với tinh thần hợp tác và hỗ trợ hữu hiệu của ông trong việc thi hành những chi tiết đa đoan của công tác điều hành trại. Nhân thế, tôi xin chúc ông và mỗi thành viên trong gia đình ông luôn

may mắn trong cuộc sống mới mà ông đang tìm đến.

Thành kính,

John D. O' Donohue

Đại Tá, TC

Chỉ Huy Trưởng

Trên đây là lá thư cảm ơn của Đại Tá John O' Donohue gửi ba tôi để cảm ơn ông về những công tác mà ông đã tình nguyện tham gia lúc còn ở Đảo Guam.

The Forgotten Generation

DEPARTMENT OF THE ARMY
HEADQUARTERS, 45TH SUPPORT GROUP, GUAM
FPO SAN FRANCISCO 96630

AFVG-ONL-CO

23 JUN 1975

Le Cong Chinh
"Operation New Life"
Orote Point Naval Station
FPO San Francisco 96630

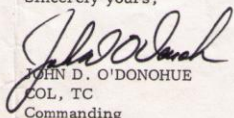
Dear Le Cong Chinh:

On the eve of closing Camp Rainbow at Orote Point, Naval Station, Guam, I would like to express my personal appreciation to you for your invaluable assistance in the smooth accomplishment of essential camp operations. Your skill in organizing and maintaining control over a section of the camp that was populated by as many as 2,000 persons was a prime factor in minimizing the number of administrative difficulties we encountered. Your many innovative ideas and the organization of your staff enabled you to distribute tons of donated clothing and other relief supplies. You continually kept the welfare of the people in mind and as a result of your actions, the camp was a much better place to stop over on the way to the United States.

The channel of communication that you opened between the people in the camp and the military administration, facilitated the timely resolution of many problems that were encountered.

Again, I want to express my appreciation for your co-operation and effective assistance in handling the multifaceted details of camp operations. I would like to take this opportunity to wish you and every member of your family continued good fortune in the new life you are embarking upon.

Sincerely yours,



JOHN D. O'DONOHUE
COL, TC
Commanding